

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 156/2025/DS-ST
Ngày 06 tháng 6 năm 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Bà Nguyễn Thị Hân
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2025/TLST-DS, ngày 11 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 170/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025; quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 18/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Hà Q năm 1968. Nơi cư trú: 134A/4, tổ A, hẻm N, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: 2.1. Ông Lê Viết C năm 1972.

2.2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1971.

Cùng nơi cư trú: A khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang Ông C có mặt; bà D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Hoàng Hà Q bày:

Qua quen biết nên ông có cho ông Lê Viết C bà Nguyễn Thị D vay 700.000.000đ (Bảy trăm triệu) đồng để đáo hạn ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 0,2%/ngày, thời hạn vay 02 ngày kể từ ngày 13/12/2023 là ngày ông C bà D xác lập biên nhận nợ với ông. Đến hạn thanh toán, mặc dù ông nhiều lần yêu cầu ông C bà D trả vốn, lãi nhưng ông C bà D chỉ trả được 20.000.000 đồng thì ngưng đến nay.

Do ông C bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên theo tờ tự khai ngày 28/5/2025 ông yêu cầu ông C bà D liên đới nghĩa vụ trả vốn và lãi tính đến ngày 06/6/2025 là 1.014.577.000 đồng, gồm vốn vay 700.000.000 đồng và nợ lãi 314.577.000 đồng. Trong đó, tiền lãi của 2 ngày trong hạn ngày 13, 14/12/2023 với mức lãi suất 20%/năm là 777.000 đồng; tiền lãi quá hạn với mức lãi suất 30% từ ngày 15/12/2023 đến ngày xét xử là ngày 06/6/2025 là 538 với số tiền 313.800.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa ông thay đổi ý kiến yêu cầu ông C bà D đới nghĩa vụ trả vốn vay còn nợ 700.000.000 đồng và tiền lãi của 02 ngày trong hạn với mức lãi suất 20%/năm từ ngày 14, 15/12/2023 và tiền lãi quá hạn với mức lãi suất 30%/năm từ ngày 16/12/2023 đến ngày xét xử là ngày 06/6/2025 trên nợ gốc 700.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu tiếp tục áp dụng lãi suất chậm thi hành án từ ngày 07/6/2025 đến khi trả hết nợ.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính Biên nhận nợ do ông Lê Viết C bà Nguyễn Thị D ký nhận ngày 13/12/2023.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Viết C bà Nguyễn Thị D mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Hà Q Tại phiên tòa được mở lần thứ hai và mở phiên tòa theo quyết định tạm ngừng có mặt ông C; bà D tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Ông C bày: Giữa ông và ông Hoàng Hà Q lần phát sinh giao dịch vay nợ nhưng ông đã thanh toán xong vốn, lãi đến nay không còn nợ ông Q với chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông Q bản chính Biên nhận nợ do ông (Lê Viết C bà Nguyễn Thị D nhận ngày 13/12/2023 mà ông đã được tiếp cận, thì ông thừa nhận chữ ký và chữ viết là của ông và bà D ký tên người vay còn bà D tên là vợ. Việc ký tên, ghi họ tên trong Biên nhận nợ ngày 13/12/2023 do ông bà tự ghi, không bị ai ép buộc, khống chế. Nhưng ông xác định ông và bà D nhận số tiền 700.000.000 đồng theo biên nhận, mà trước đó ông vay nhiều lần và đã trả xong vốn, lãi cho ông Q không biết vì sao có biên nhận nợ ngày 13/12/2023, ngoài ra cũng do tin tưởng nhau trong làm ăn nên khi ông trả tiền, ông Q xé bỏ biên nhận nợ nên ông cũng không yêu cầu ông Q lại biên nhận nợ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q ông không đồng ý vì đã trả xong vốn lãi, không còn nợ. Chứng cứ chứng minh cho trình bày của ông là Sổ phụ do ông C ngày 16/5/2025.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý giải quyết. Thủ tục tố tụng đạt, niêm yết đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Hà Q ông Lê Viết C Nguyễn Thị D trách nhiệm trả cho ông Q gốc 700.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm từ ngày 14/12/2023 đến ngày 15/12/2023, lãi suất 30%/năm từ ngày 16/12/2023 đến ngày xét xử thẩm.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Hoàng Hà Q khởi kiện ông Lê Viết C và bà Nguyễn Thị D về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông C bà D cư ngụ tại phường B, thành phố L Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bà D vắng mặt không có lý do. Ông Q, ông C không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị D.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Ông Q11 kiện yêu cầu ông C bà D liên đới nghĩa vụ trả vốn vay còn nợ 700.000.000 đồng và tiền lãi của 02 ngày trong hạn với mức lãi suất 20%/năm từ ngày 14, 15/12/2023 và tiền lãi quá hạn với mức lãi suất 30% từ ngày 16/12/2023 đến ngày xét xử là ngày 06/6/2025 trên nợ gốc 700.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu tiếp tục áp dụng lãi suất chậm thi hành án từ ngày 07/6/2025 đến khi trả hết nợ.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Biên nhận nợ do ông Lê Viết C bà Nguyễn Thị D nhận ngày 13/12/2023.

[2.2]. Ông C rằng giữa ông và ông Hoàng Hà Q lần phát sinh giao dịch vay nợ nhưng ông đã thanh toán xong vốn, lãi đến nay không còn nợ. Đối với chứng cứ ông Q cấp là bản chính Biên nhận nợ do ông và bà D nhận ngày 13/12/2023, ông thừa nhận là chữ ký và chữ viết của ông và bà D không yêu cầu trung cầu giám định. Nhưng ông xác định thực tế ông và bà D nhận 700.000.000 đồng như nội dung biên nhận ngày 13/12/2023 thể hiện, ông không biết vì sao có biên nhận nợ ngày 13/12/2023. Nếu ông Q minh được ông hoặc bà D nhận 700.000.000 đồng vào ngày 13/12/2023 là ngày ký biên nhận nợ, thì ông đồng ý trả nợ.

Đối với các khoản vay trước, ông đã thanh toán xong vốn lãi và tin ông Q xé bỏ biên nhận, do tin tưởng nhau trong làm ăn nên khi trả tiền ông không yêu cầu ông Q lại biên nhận nợ.

[3]. Qua trình bày của các đương sự và xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Q kiện ông C bà D cầu trả vốn vay 700.000.000 đồng và lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn từ ngày 14/12/2023. Chứng cứ chứng minh là bản chính Biên nhận nợ do ông Lê Viết C bà Nguyễn Thị D nhận ngày 13/12/2023. Ông C rằng đã thanh toán xong nợ gốc, lãi cho ông Q nay không còn nợ. Mặc dù ông C nhận chữ ký, chữ viết trong bản chính Biên nhận nợ ngày 13/12/2023 là do ông và bà D tên, ghi họ tên nhưng thực tế ông bà không nhận 700.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, ngoài lời trình bày ông C bà D cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc ông bà đã trả xong khoản nợ 700.000.000 đồng của biên nhận nợ ngày 13/12/2023. Đối với tài liệu ông C cấp sau khi tạm ngừng phiên tòa là Sổ phụ được in vào ngày 12/5/2025 có đóng mộc treo của Ngân hàng N nhánh tỉnh A. Xét nội dung diễn giải Sổ phụ tài khoản do ông C cấp, nhận thấy có rất nhiều nội dung diễn giải, giao dịch được thực hiện từ ngày 04/12/2023 đến ngày 31/12/2024 trong đó có nhiều nội dung ghi có, ghi nợ tên ông C bà D không có nội dung nào thể hiện ông C bà D đã trả 700.000.000 đồng là khoản nợ của biên nhận ngày 13/12/2023.

Do đó, ông Q cứ bản chính Biên nhận nợ do ông C bà D nhận ngày 13/12/2023 để yêu cầu ông bà trả vốn lãi là có căn cứ, nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lời trình bày của ông C rằng, tuy ông và bà D ký tên, ghi họ tên trong biên nhận ngày 13/12/2023 nhưng thực tế ông bà không nhận tiền, không biết vì sao có biên nhận này và nếu ông Q minh được ông, bà D nhận 700.000.000 đồng vào ngày 13/12/2023 thì ông đồng ý trả nợ. Xét lời khai nại của ông C có căn cứ, không phù hợp pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Theo phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án tại Công an phường B, thành phố L thể hiện: Lê Viết C, sinh năm 1972; Nguyễn Thị D, sinh năm 1971 có đăng ký thường trú tại số A, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang

Quá trình tố tụng bà D tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q Phiên tòa được mở xét xử lần thứ hai, bà D tục vắng mặt không có lý do là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của bị đơn quy định tại khoản 5 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử căn cứ bản chính Biên nhận nợ do ông Lê Viết C bà Nguyễn Thị D nhận ngày 13/12/2023 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5]. Đối với việc ông Q đòi một phần nội dung yêu cầu về thời gian tính lãi (cụ thể giảm 01 ngày lãi), xét thấy sự thay đổi này của ông Q hợp quy định pháp luật và chứng cứ là bản chính biên nhận nợ ngày 13/12/2023 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Đối với yêu cầu tính lãi, xét thấy khi xác lập giao dịch dân sự, các đương sự có thỏa thuận về lãi suất, kỳ hạn vay nhưng đến kỳ hạn trả nợ ông C bà D không thực hiện trả vốn, lãi theo thỏa thuận nên ông Q cầu trả lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ. Theo đó, tiền lãi ông C bà D có nghĩa vụ trả cho ông Q ngày 14/12/2023 đến ngày xét xử (06/6/2025) được tính như sau:

+ Tiền lãi trong hạn từ ngày 14/12/2023 đến ngày 15/12/2023:

$700.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 2 \text{ ngày} = 778.000 \text{ đồng}.$

+ Tiền lãi quá hạn từ ngày 16/12/2023 đến ngày 06/6/2025:

$700.000.000 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 539 \text{ ngày} = 314.417.000 \text{ đồng}.$

Như vậy, tổng vốn và lãi ông C bà D nghĩa vụ trả cho ông Q 1.015.195.000 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 700.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 778.000 đồng; nợ lãi quá hạn 314.417.000 đồng.

Ông Q ý trừ 20.000.000 đồng tiền lãi ông C trả, nên số tiền vốn lãi còn lại ông C và bà D nghĩa vụ liên đới trả là 995.195.000 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông C bà D nghĩa vụ liên đới chịu 41.856.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông Hoàng Hà Q 995.195.000 đồng.

Yêu cầu khởi kiện của ông Q Hội đồng xét xử chấp nhận, nên ông Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 357, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Hà Q với ông Lê Viết C và bà Nguyễn Thị D.

Buộc ông Lê Viết C bà Nguyễn Thị D nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hoàng Hà Q tiền nợ gốc và lãi là 995.195.000đ (Chín trăm chín mươi lăm triệu một trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Về án phí:

Ông Lê Viết C bà Nguyễn Thị D nghĩa vụ liên đới chịu 41.856.000đ (Bốn mươi một triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hoàng Hà Q nhận lại 16.000.000đ (Mười sáu triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002210, ngày 10/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền kháng cáo:

Ông Hoàng Hà Q, ông Lê Viết C mất được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị D mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa